

TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số 24/2021/DSST

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 27/9/2021
Về việc tranh chấp
“Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hoàng Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng - Thư ký TAND huyện Hòa Vang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-DS ngày 20/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 72A/2021/QĐST-DS ngày 13/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐST-DS ngày 10/9/2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Phương Đông; Trụ sở chính: Số 42 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận I, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người được ủy quyền: bà Lê Thị Bảy – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm bán lẻ; Địa chỉ: số 34-36 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ủy quyền tham gia tố tụng). Bà Lê Thị Bảy ủy quyền lại cho ông Đinh Văn Quyết - Chuyên viên thu hồi nợ (Theo giấy ủy quyền số 134/GUQ-OCB.20). Có mặt

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1989. Có mặt

Ông Trương Anh T, sinh năm 1988. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P 2, xã H, huyện H, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Phương Đông, ông Đinh Văn Quyết trình bày:

Ngân hàng TMCP Phương Đông (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số ST0031/2019/HĐTD-CN ngày

22/01/2019. Theo hợp đồng vay này, Ngân hàng đồng ý cho ông T và bà T1 vay số tiền là 730.000.000 đồng với lãi suất quy định cụ thể trong hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, thôn P 2, xã H, huyện H, thành phố Đ (theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, số vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do sở Tài nguyên và môi trường, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017) theo hợp đồng thế chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký thì ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã vi phạm cụ thể: Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay ông T và bà T1 liên tiếp vi phạm các kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng ông T và bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/9/2021, ông T, bà T1 còn nợ gốc và lãi cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 657.314.459 đồng.

- Nợ lãi: 83.640.705 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 716.040.705 đồng.

**Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, tại phiên tòa - bị đơn bà Trần Thị T1 trình bày:* Vợ chồng tôi (Trương Anh T, Trần Thị T1) và Ngân hàng TMCP Phương Đông đã ký Hợp đồng tín dụng số ST0031/2019/HĐTD-CN ngày 22/01/2019. Theo hợp đồng vay này, vợ chồng tôi có vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền là 730.000.000 đồng với lãi suất quy định cụ thể trong hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng tôi đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, thôn P 2, xã H, huyện H, thành phố Đ cho Ngân hàng (theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, số vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017) theo hợp đồng thế chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019.

Tính đến ngày 27/9/2021, tôi và ông Trương Anh T còn nợ gốc và lãi cụ thể như sau: Nợ gốc: 657.314.459 đồng; Nợ lãi: 83.640.705 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 716.040.705 đồng.

Vợ chồng tôi thống nhất với khoản nợ gốc và lãi như Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu trên nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 khó khăn nên vợ chồng tôi xin sẽ trả lãi 28.940.198 đồng, còn nợ gốc thì vợ chồng tôi sẽ trả theo định kỳ hàng tháng, 9.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong hết nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện, vợ chồng tôi xin trả nợ lãi trước, còn khoản nợ gốc còn lại chúng tôi sẽ trả theo định kỳ hàng tháng, cụ thể mỗi tháng sẽ trả 9.000.000 đồng cho đến khi trả xong hết nợ. Khi vay, tôi và ông Trương Anh T đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, thôn P 2, xã H,

huyện H, thành phố Đ cho Ngân hàng (theo GCNQSĐĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017) theo hợp đồng thế chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019, tôi đồng ý xử lý tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ

Đối với bị đơn ông Trương Anh T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T trình bày ý kiến, tuy nhiên ông Trương Anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 280, 299, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phương Đông về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1, buộc vợ chồng ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền tính đến ngày 27/9/2021 là 716.040.705 đồng (trong đó nợ gốc: 657.314.459 đồng, nợ lãi: 83.640.705 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 không trả nợ hoặc không trả đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phương Đông nộp và Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trương Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP Phương Đông (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã ký hợp đồng tín dụng số ST0031/2019/HĐTD-CN ngày 22/01/2019. Theo hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cho ông T và bà T1 vay số tiền là 730.000.000 đồng với lãi suất quy định cụ thể ghi trong hợp đồng. Thời hạn vay là 240 tháng, trả nợ hàng tháng theo định kỳ ngày 15 hàng tháng với số tiền 3.050.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại: Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, thôn Phú Hòa 2, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do Sở Tài nguyên và môi trường, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017; Hợp đồng thế chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019.

Sau khi được Ngân hàng giải ngân và nhận nợ số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng đã ký thì ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã vi phạm liên tục, không trả nợ theo định kỳ liên tục nhiều tháng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng ông T và bà T1 không hợp tác, thiếu thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 27/9/2021, ông T, bà T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông gốc và lãi cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 657.314.459 đồng.
- Nợ lãi: 83.640.705 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 716.040.705 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T và bà T1 phải trả một lần và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phương Đông thì thấy mặc dù được Ngân hàng cho vay nhưng vợ chồng ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số ST0031/2019/HĐTD-CN ngày 22/01/2019, đồng thời thiếu thiện chí trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Phương Đông khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 27/9/2021, ông T, bà T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông gốc 657.314.459 đồng và 83.640.705 đồng lãi. Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 716.040.705 đồng.

Với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình cho Tòa án và tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền

716.040.705 đồng và tiếp tục phải trả lãi từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản là nhà và đất tại: Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, thôn P 2, xã H, huyện H, thành phố Đ theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, số vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do Sở Tài nguyên và môi trường, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017; Hợp đồng thế chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019 mà ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 đã thế chấp, trong trường hợp ông T bà T1 không trả nợ cho Ngân hàng thì bà T1 đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Trương Anh T, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông thiếu thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Đối với bị đơn bà Trần Thị T1 đề nghị Ngân hàng xem xét do hiện tại đang gặp nhiều khó khăn, cho trả lãi trước và trả dần tiền nợ gốc mỗi tháng 9.000.000 đồng đề nghị xem xét cho đến khi hết nợ không được Ngân hàng TMCP Việt Nam Phương Đông đồng ý nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 278, 280, 299, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phương Đông đối với bị đơn ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1.

Xử: Buộc ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền 716.040.705 đồng (trong đó nợ gốc 657.314.459 đồng, nợ lãi 83.640.705 đồng tính đến ngày 27/9/2021) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 không thanh toán nợ gốc và lãi thì tài sản đảm bảo là nhà và đất tại Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 48, Thôn P 2, xã H, huyện H, thành phố Đ (theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 683944, số vào sổ cấp GCN: CTs 117301 do Sở Tài nguyên và môi trường, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2017); Hợp đồng thế

chấp số ST0031/2019/HĐTC-CN ngày 22/01/2019 được xử lý theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm 32.641.600 đồng ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.020.000 đồng theo biên lai thu số 0008174 ngày 24/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Ông Trương Anh T và bà Trần Thị T1 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông (đã nộp và đã chi).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND h. Hòa Vang;
- Chi cục THADS h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

